TỈNH ỦY CAO BẰNG
TRƯỜNG CT HOÀNG ĐÌNH GIONG
*

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Cao Bằng, ngày 18 tháng 8 năm 2020

ĐIỂM THI

Lớp: Trung cấp lý luận chính trị - hành chính khóa 69

Môn: Phần I.1. Những vấn đề cơ bản về chủ nghĩa Mác - Lênin

Ngày thi: 02/8/2020

STT	Họ và tên	Điểm		STT	Họ và tên	Điểm	
		Số	*Bằng chữ*			*Số*	*Bằng chữ*
1	Chu Tuấn Anh	6,00	Sáu	41	Nguyễn Thị Khuyên	7,25	Bảy phẩy hai năm
2	Mã Thị Bến	7,50	Bảy phẩy năm	42	Mông Thị Phương Lan	7,50	Bảy phẩy năm
3	Lương Thị Thu Bền	6,50	Sáu phẩy năm	43	Nông Phương Lan		**Không đủ ĐK thi**
4	Vũ Huyền Chi	7,50	Bảy phẩy năm	44	Phương Nguyễn Lan	7,00	Bảy
5	Nguyễn Ngọc Chiến	7,00	Bảy	45	Lý Thị Lê	6,75	Sáu phẩy bảy năm
6	Nông Thanh Chuyên	7,00	Bảy	46	Nguyễn Văn Linh	6,50	Sáu phẩy năm
7	Lục Văn Cừ	6,75	Sáu phẩy bảy năm	47	Nông Thị Kim Luyến	7,00	Bảy
8	Hà Văn Cương	6,50	Sáu phẩy năm	48	Lê Thành Nam	7,50	Bảy phẩy năm
9	Nguyễn Sỹ Cường		**Thôi học**	49	Tô Thị Ngân	7,00	Bảy
10	Hà Thị Dung	8,00	Tám	50	Nguyễn Phương Nghĩa	5,75	Năm phẩy bảy năm
11	Hà Thị Dung	7,00	Bảy	51	Trần Thị Tuyết Nhung	6,75	Sáu phẩy bảy năm
12	Đinh Tiến Dũng	8,00	Tám	52	Nông Hồng Quân	6,75	Sáu phẩy bảy năm
13	Lương Văn Dũng	7,25	Bảy phẩy hai năm	53	Đoàn Thị Tâm	6,75	Sáu phẩy bảy năm
14	Nguyễn Thị Duyên	6,75	Sáu phẩy bảy năm	54	Trần Quốc Tân	7,00	Bảy
15	Bế Ích Giang	6,00	Sáu	55	Đào Thị Hoài Thanh	7,00	Bảy
16	Cao Bằng Giang	8,00	Tám	56	Bế Minh Thảo	7,00	Bảy
17	Phan Thanh Hà	6,75	Sáu phẩy bảy năm	57	Dương Thị Hương Thảo	7,00	Bảy
18	Đồng Minh Hải	6,00	Sáu	58	Bế Duy Thế	8,00	Tám
19	Hoàng Mạnh Hải	6,50	Sáu phẩy năm	59	Phạm Thị Thêm	7,75	Bảy phẩy bảy năm
20	Chu Thúy Hằng	8,00	Tám	60	Lê Thị Thía	7,25	Bảy phẩy hai năm
21	Bế Hồng Hạnh	8,25	Tám phẩy hai năm	61	Hoàng Thị Thơ	7,00	Bảy
22	Hoàng Thị Hạnh	7,00	Bảy	62	Nông Văn Thuận	6,75	Sáu phẩy bảy năm
23	Hoàng Văn Hiệu	6,75	Sáu phẩy bảy năm	63	Hoàng Trung Thực	6,75	Sáu phẩy bảy năm
24	Quản Thị Hòa	6,50	Sáu phẩy năm	64	Hoàng Thị Thương	8,00	Tám
25	Nông Văn Hoành	5,00	Năm	65	Lê Thị Mai Hương	7,25	Bảy phẩy hai năm

STT	Họ và tên	Điểm		STT	Họ và tên	Điểm	
		Số	*Bằng chữ*			*Số*	*Bằng chữ*
26	Hoàng Văn Hợp	6,00	Sáu	66	Trịnh Thị Chiều Thúy	8,00	Tám
27	Lương Thị Huệ	8,00	Tám	67	Nông Thị Thủy	7,50	Bảy phẩy năm
28	Nông Thị Huệ	8,25	Tám phẩy hai năm	68	Phùng Vương Tiến	6,75	Sáu phẩy bảy năm
29	Đỗ Mạnh Hùng	6,50	Sáu phẩy năm	69	Riêu Hồng Tiến	7,00	Bảy
30	Hà Thị Thúy Hương	8,25	Tám phẩy hai năm	70	Trần Minh Tiệp	7,50	Bảy phẩy năm
31	Nguyễn Thị Hương	8,00	Tám	71	Hoàng Đức Toán	7,25	Bảy phẩy hai năm
32	Nông Thị Hường	7,75	Bảy phẩy bảy năm	72	Hoàng Thị Diệp Trà	6,75	Sáu phẩy bảy năm
33	Triệu Thu Hường	7,00	Bảy	73	Linh Thị Thu Trang	7,00	Bảy
34	Trương Ngọc Hữu	5,50	Năm phẩy năm	74	Ngô Thị Thu Trang	6,75	Sáu phẩy bảy năm
35	Từ Văn Hữu	5,50	Năm phẩy năm	75	Bế Thùy Trinh	8,00	Tám
36	Bế Kim Huy	7,50	Bảy phẩy năm	76	Lục Quang Trung	5,50	Năm phẩy năm
37	Nguyễn Quang Huy	6,00	Sáu	77	Lâm Mạnh Trường	8,00	Tám
38	Triệu Xuân Huy	6,25	Sáu phẩy hai năm	78	Sái Thị Tuyết	6,75	Sáu phẩy bảy năm
39	Đoàn Trọng Kết	7,50	Bảy phẩy năm	79	Bế Thị Xuân	6,50	Sáu phẩy năm
40	Đào Duy Khánh	8,00	Tám	80	Lê Long Xuyên	7,00	Bảy

Điểm 5,00: 01 điểm; Điểm 5,50: 03 điểm; Điểm 5,75: 01 điểm; Điểm 6,00: 05 điểm; Điểm 6,25: 01 điểm; Điểm 6,50: 07 điểm; Điểm 6,75: 14 điểm; Điểm 7,00: 16 điểm; Điểm 7,25: 05 điểm; Điểm 7,50: 08 điểm; Điểm 7,75: 02 điểm; Điểm 8,00: 12 điểm; Điểm 8,25: 03 điểm./.

GHI ĐIỂM	PHÒNG QL ĐÀO TẠO VÀ NCKH TRƯỞNG PHÒNG	HIỆU TRƯỞNG
Lê Thị Thư	Hoàng Việt Hưng	Trịnh Thị Ánh Hoa

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM
TRƯỜNG CHÍNH TRỊ HOÀNG ĐÌNH GIỐNG
TỈNH ỦY CAO BẰNG